

Bản án số: 12/2020/KDTM-ST.

Ngày: 21/9/2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 22/2019/TLST- KDTM ngày 08/4/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST- KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2020/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ trụ sở: 21 C, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ : Lầu 5, 538 C, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q có ông Nguyễn Văn T(Văn bản ủy quyền số 4521/UQ-MBAMC ngày 09/9/2019)

Bị đơn: Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D.

Địa chỉ : 199- 201 Đường số 3, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D có ông Nguyễn Thanh D (Giấy ủy quyền ngày 01/6/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hòa giải nguyên đơn- Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh An Phú ký Hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD, ngày 24/4/2014 với Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D (gọi tắt là Công ty D), theo đó Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh An Phú đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho Công ty D số tiền là 75.000.000.000 (Bảy mươi lăm tỷ đồng), mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo khế ước nhận nợ; lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân quy định trên khế ước nhận nợ

Ngày 05/9/2014, Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh An Phú và Công ty D đã ký văn bản sửa đổi hợp đồng số 265.14.151.1867572.VBSĐ.01. Thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh An Phú đã giải ngân cho Công ty D số tiền là 42.099.950.000 (Bốn mươi hai tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng), theo các khế ước:

Khế ước số LD1425900025 ngày 16/9/2014, số tiền giải ngân là 4.506.650.000 đồng . Lãi suất cố định 10%/năm. Thời hạn vay từ 16/9/2014 đến 16/02/2015; Khế ước số LD1426000119 ngày 17/9/2014, số tiền giải ngân là 4.500.000.000 đồng . Lãi suất cố định 9,5% /năm. Thời hạn vay từ 17/9/2014 đến 17/02/2015; Khế ước số LD1426100239 ngày 18/9/2014; số tiền giải ngân là 4.502.300.000 đồng . Lãi suất cố định 9,5% /năm. Thời hạn vay từ 18/9/2014 đến 23/02/2015; Khế ước số LD1426200082 ngày 19/9/2014, số tiền giải ngân là 4.700.000.000 đồng . Lãi suất cố định 9,5% /năm. Thời hạn vay từ 19/9/2014 đến 19/02/2015; Khế ước số LD1426500211 ngày 22/9/2014, số tiền giải ngân là 4.650.000.000 đồng . Lãi suất cố định 9,5% /năm. Thời hạn vay từ 22/9/2014 đến 22/02/2015; Khế ước số LD1426600253 ngày 23/9/2014, số tiền giải ngân là 4.166.500.000 đồng . Lãi suất cố định 9,5% /năm. Thời hạn vay từ 23/9/2014 đến 23/02/2015; Khế ước số LD1428700281 ngày 14/10/2014, số tiền giải ngân là 1.687.500.000 đồng . Lãi suất cố định 9,5% /năm. Thời hạn vay từ 14/10/2014 đến 14/03/2015; Khế ước số Ld 1435087543 ngày 16/12/2014, số tiền giải ngân là 2.087.000.000 đồng . Lãi suất cố định 9 % /năm. Thời hạn vay từ 16/12/2014 đến 16/5/2015; Khế ước số LD 1436378024 ngày 29/12/2014, số tiền giải ngân là 7.100.000.000 đồng . Lãi suất cố định 9 % /năm. Thời hạn vay từ 29/12/2014 đến 29/5/2015; Khế ước số LD 14365455187 ngày 29/12/2014, số tiền giải ngân là 2.400.000.000 đồng . Lãi suất cố định 9 % /năm. Thời hạn vay từ 31/12/2014 đến 31/5/2015; Khế ước số LD 1504108107 ngày 10/02/2015, số tiền giải ngân là 1.800.000.000 đồng . Lãi suất cố định 9 % /năm. Thời hạn vay từ 10/2/2015 đến 10/7/2015;

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản vay, Công ty D đã ký với Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh An Phú hợp đồng thế chấp số 142.14.151.1867572.BĐ ngày 24/4/2014 để thế chấp tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất thửa số 3547 Tờ bản đồ số 3, tại xã Nhật Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CT04080 do Sở Tài nguyên Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 24/01/2014, đăng ký biến động ngày 23/4/2014. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được Phòng Công chứng số 2

tỉnh Long An chứng nhận và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Long An theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi giải ngân và đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, bên vay không thực hiện đúng cam kết thanh toán cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 01/10/2018 dư nợ khoản vay Công ty TNHH 1 TV SX TM D tại Ngân hàng là 61.250.146.232 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 40.792.975.080 đồng; nợ lãi trong hạn: 230.856.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.226.315.152 đồng).

Ngân hàng Q yêu cầu: Buộc bên vay Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D trả nợ cho Ngân hàng Q các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD; Văn bản sửa đổi và các khế ước nhận nợ, số tiền tạm tính đến ngày 01/10/2018 là 61.250.146.232 đồng và phải chịu các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận. Kể từ ngày bản án có hiệu lực nêu trên, Công ty TNHH 1 TV SX TM D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng Q có toàn quyền xử lý các tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại hợp đồng là Quyền sử dụng đất thửa số 3547 Tờ bản đồ số 3, tại xã Nhật Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CT04080 do Sở Tài nguyên Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 24/01/2014. Trong trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty TNHH 1 TV SX TM D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán xong.

Ngày 26/4/2019 Ngân hàng TMCP Q có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu liên quan đến tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa số 3547 Tờ bản đồ số 3, tại xã Nhật Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CT04080 do Sở Tài nguyên Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 24/01/2014, theo đó chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 2 giải quyết về các vấn đề sau:

1. Buộc bên vay Công ty D trả nợ cho Ngân hàng Q các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD; Văn bản sửa đổi và các khế ước nhận nợ, số tiền tạm tính đến ngày 01/10/2018 là 61.250.146.232 (Sáu mươi một tỷ, hai trăm năm mươi triệu, một trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm ba mươi hai đồng); trong đó nợ gốc là: 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng); tiền lãi trong hạn là: 230.856.000 (Hai trăm ba mươi triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng); lãi quá hạn là: 20.226.315.152 (Hai mươi tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm mười lăm ngàn, một trăm năm mươi hai đồng).

2. Buộc bên vay phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ lãi, lãi quá hạn theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD ngày 24/4/2014; Văn bản sửa đổi hợp đồng số 265.14.151.1867572.TD.VBS.01 ngày 05/9/2014 và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 01/10/2018 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Bị đơn Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D có ông Nguyễn Thanh D là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải như sau:

Ngày 24/4/2014, Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D (Công ty D) đã ký với Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh An Phú Hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD, theo đó Công ty D vay của Ngân hàng TMCP Q số tiền là 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng), mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo khế ước nhận nợ; lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân quy định trên khế ước nhận nợ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty D đều trả lãi đầy đủ cho ngân hàng. Đến ngày 24/4/2017, Công ty D có đơn yêu cầu tắt toàn hợp đồng và giải chấp tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q chi nhánh An Phú nhưng vì lý do khách quan chủ đầu tư của tài sản thế chấp khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An dẫn đến tranh chấp kiện tụng cho đến ngày hôm nay cho nên công ty chưa giải quyết được hợp đồng tín dụng giữa hai bên. Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Công ty D trả cho Ngân hàng Q số tiền nợ gốc là: 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng); nợ lãi trong hạn: 230.856.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.332.988.588 đồng , Công ty D không đồng ý thanh toán số tiền trên. Công ty D chỉ đồng ý thanh toán số tiền 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng); tiền lãi trong hạn là: 230.856.000 (Hai trăm ba mươi triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng) và tiền lãi quá hạn là: 1.080.140.420 (Một tỷ không trăm tám mươi triệu một trăm bốn mươi ngàn bốn trăm hai mươi đồng). Tổng cộng số tiền là 42.103.971.500 (Bốn mươi hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, năm trăm đồng).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/8/2019, đại diện ủy quyền của bị đơn xác nhận có tài liệu, chứng cứ nhưng chưa cung cấp cho Tòa án được và cam kết tại buổi làm việc sau sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Bị đơn đã được Thẩm phán công khai các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn và không yêu cầu nguyên đơn cung cấp thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp.

Tại phiên toà hôm nay:

- Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bên vay Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D trả nợ cho Ngân hàng Q các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD; Văn bản sửa đổi và các khế ước nhận nợ, số tiền tạm tính đến ngày 27/8/2020 là: 72.356.829.638 đồng (trong đó nợ gốc là 40.792.975.080 đồng; nợ lãi trong hạn: 230.856.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.332.998.558 đồng đồng).

- Công ty Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D đồng ý trả nợ cho Ngân hàng Q các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số

265.14.151.1867572.TD; Văn bản sửa đổi và các khế ước nhận nợ, số nợ gốc là 40.792.975.080 đồng; nợ lãi trong hạn: 230.856.000 đồng, tiền lãi quá hạn là: 1.080.140.420 .Tổng cộng số tiền là 42.103.971.500 (Bốn mươi hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, năm trăm đồng). Không đồng ý trả tiền lãi quá hạn từ ngày 24/4/2017 đến nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 2 giải quyết đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách đương sự; Thủ tục thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật tố tụng, thủ tục khai mạc phiên tòa, tranh tụng đúng pháp luật. Các đương sự tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành đúng pháp luật. Tuy nhiên cần chấp hành về thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD; Văn bản sửa đổi và các khế ước nhận nợ, số tiền tạm tính đến ngày 27/8/2020 là: 72.356.829.638 đồng (trong đó nợ gốc là 40.792.975.080 đồng; nợ lãi trong hạn: 230.856.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.332.998.558 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các bên tranh chấp đối với hợp đồng tín dụng, theo thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp “Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi cư trú hoặc trụ sở chi nhánh của MB (như được nêu tại trang đầu của Hợp đồng)...để giải quyết”. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có chi nhánh tại địa chỉ: Tầng trệt Chung cư A, KĐT mới A, phường An Phú, Quận 2. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

2. Về tư cách tham gia tố tụng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2018, Ngân hàng TMCP Q có yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại hợp đồng là Quyền sử dụng đất thửa số 3547 Tờ bản đồ số 3, tại xã Nhật Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CT04080 do Sở Tài nguyên Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 24/01/2014 là tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Liên Minh, nên Tòa án đưa Công ty Cổ phần L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngày 26/4/2019 Ngân hàng TMCP Q có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm và chỉ yêu

cầu Tòa án nhân dân Quận 2 giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân Quận 2 có biên bản làm việc với Công ty Cổ phần L, theo đó Công ty Cổ phần L không có ý kiến gì và đề nghị giải quyết theo quy định.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, Công ty Cổ phần L không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nên không cần thiết đưa Công ty Cổ phần L vào tham gia tố tụng.

3. Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng Quân Đội) được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0100283873 đăng ký lần đầu ngày 30/9/1994, đăng ký thay đổi lần thứ 44 ngày 05/12/2019. Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội- Chi nhánh An Phú được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh: 0100283873-015, đăng ký lần đầu ngày 5/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 05/10/2017, hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội- Chi nhánh An Phú và Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D (gọi tắt là Công ty Duy Thanh Phát) thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD, ngày 24/4/2014, văn bản sửa đổi hợp đồng số 265.14.151.1867572.VBSĐ.01 và các khế ước nhận nợ đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khế ước nhận nợ do người có thẩm quyền của hai bên ký kết, về hình thức, nội dung tuân theo các quy định của Bộ Luật dân sự năm 2005 và Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên.

Thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng TMCP Q- Chi nhánh An Phú đã giải ngân cho Công ty D số tiền là 42.099.950.000 (Bốn mươi hai tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng) theo giấy đề nghị giải ngân và các Khế ước nhận nợ. Công ty D cho rằng mình chỉ được giải ngân số tiền 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng) nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ngân hàng cung cấp các tài liệu và chứng cứ xác định Công ty D đã được giải ngân số tiền là 42.099.950.000 (Bốn mươi hai tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng), do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình thực hiện, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.003.425.342 đồng (trong đó tiền gốc 1.306.974.920 đồng, tiền lãi quá hạn 1.696.450.422 đồng); Tạm tính đến ngày 27/8/2020, số tiền nợ gốc và lãi còn phải trả cho MB cụ thể từng khế ước như sau:

- Khế ước số LD1428700281 ngày 14/10/2014, số tiền giải ngân là 1.687.500.000 đồng . Lãi suất cố định 9,5% /năm được tính trong thời hạn vay từ 14/10/2014 đến 13/03/2015. Từ ngày 14/03/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 14.25%/ năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 1.687.500.000 đồng. Công ty đã thanh toán 67.242.188 đồng; Số tiền lãi phải thanh toán là 1.331.929.688 đồng.

- Khế ước số LD1426600253 ngày 23/09/2014, số tiền giải ngân là 4.166.500.000 đồng. Lãi suất cố định 9.5%/năm được tính trong thời hạn vay từ 23/09/2014 đến 23/02/2015. Từ ngày 24/02/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 14.25%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 4.166.500.000 đồng. Công ty đã thanh toán 169.321.931 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 3.318.270.042 đồng.

- Khế ước số LD1426500211 ngày 22/09/2014, số tiền giải ngân là 4.650.000.000 đồng. Lãi suất cố định 9.5%/năm được tính trong thời hạn vay từ 22/09/2014 đến 23/02/2015. Từ ngày 24/02/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 14.25%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 4.650.000.000 đồng. Công ty đã thanh toán 212.982.629 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 3.680.588.788 đồng.

- Khế ước số LD1426200082 ngày 19/09/2014, số tiền giải ngân là 4.700.000.000 đồng. Lãi suất cố định 9.5%/năm được tính trong thời hạn vay từ 19/09/2014 đến 23/02/2015. Từ ngày 24/02/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 14.25%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 4.700.000.000 đồng. Công ty đã thanh toán 266.659.722 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 3.672.462.500 đồng.

- Khế ước số LD1426100239 ngày 18/09/2014, số tiền giải ngân là 4.500.000.000 đồng. Lãi suất cố định 9.5%/năm được tính trong thời hạn vay từ 18/09/2014 đến 23/02/2015. Từ ngày 24/02/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 14.25%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 4.500.000.000 đồng. Công ty đã thanh toán 201.281.250 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 3.571.406.250 đồng.

- Khế ước số LD1426000119 ngày 17/09/2014, số tiền giải ngân là 4.502.300.000 đồng. Lãi suất cố định 9.5%/năm được tính trong thời hạn vay từ 17/09/2014 đến 23/02/2015. Từ ngày 24/02/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 14.25%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 4.502.300.000 đồng. Công ty đã thanh toán 257.819.207 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 3.517.984.662 đồng.

- Khế ước số LD1425900025 ngày 16/09/2014, số tiền giải ngân là 4.506.650.000 đồng. Lãi suất cố định 10%/năm được tính trong thời hạn vay từ 16/09/2014 đến 16/02/2015. Từ ngày 17/02/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 15%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 3.199.675.080 đồng. Công ty đã thanh toán 1.554.101.165 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 2.631.732.753 đồng.

- Khế ước số LD1435087543 ngày 16/12/2014, số tiền giải ngân là 2.087.000.000 đồng. Lãi suất cố định 9%/năm được tính trong thời hạn vay từ 16/12/2014 đến 25/05/2015. Từ ngày 26/05/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 13.5%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 2.087.000.000 đồng. Công ty đã thanh toán 51.653.250 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 1.538.379.875 đồng.

- Khế ước số LD1436378024 ngày 29/12/2014, số tiền giải ngân là 7.100.000.000 đồng. Lãi suất cố định 9%/năm được tính trong thời hạn vay từ 29/12/2014 đến 28/05/2015. Từ ngày 29/05/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 13.5%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 7.100.000.000 đồng. Công ty đã thanh toán 152.650.000 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 5.222.505.000 đồng.

- Khế ước số LD1436545187 ngày 31/12/2014, số tiền giải ngân là 2.400.000.000 đồng. Lãi suất cố định 9%/năm được tính trong thời hạn vay từ 31/12/2014 đến 30/05/2015. Từ ngày 31/05/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 13.5%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 2.400.000.000 đồng. Công ty đã thanh toán 50.400.000 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 1.764.600.000 đồng.

- Khế ước LD1504108107 ngày 10/02/2015, số tiền giải ngân là 1.800.000.000 đồng. Lãi suất cố định 9%/năm được tính trong thời hạn vay từ 10/02/2015 đến 09/07/2015. Từ ngày 10/07/2015 đến 27/8/2020, khoản vay trên được tính theo lãi suất quá hạn (150% lãi suất cố định) là 13.5%/năm. Số tiền gốc phải thanh toán là 1.800.000.000 đồng. Công ty đã thanh toán 19.350.000 đồng. Số tiền lãi phải thanh toán là 1.314.450.000 đồng.

Hết thời hạn vay, Công ty D đã ngưng thanh toán nợ vay cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng nên Ngân hàng Yêu cầu Công ty D chịu tiền lãi suất quá hạn theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD ngày 24/4/2014; Văn bản sửa đổi hợp đồng số 265.14.151.1867572.TD.VBS.01 ngày 05/9/2014 và các khế ước nhận nợ kể số tiền tạm tính đến ngày 27/8/2020 là: 72.356.829.638 đồng (Bảy mươi hai tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là: 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng); tiền lãi trong hạn là: 230.856.000 (Hai trăm ba mươi triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng); lãi quá hạn là 31.332.998.558 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Quân Đội.

Công ty D Phát chỉ đồng ý thanh toán số tiền 42.103.971.500 (Bốn mươi hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, năm trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc: 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng); tiền lãi trong hạn là: 230.856.000 (Hai trăm ba mươi triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng) và tiền lãi quá hạn là: 1.080.140.420 (Một tỷ không trăm tám mươi triệu một trăm bốn mươi ngàn bốn trăm hai mươi đồng). Công ty D không đồng ý thanh toán tiền lãi kể từ thời điểm phía công ty xin được giải chấp đến nay. Vì lý do khách quan chủ đầu tư của tài sản thế chấp khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An dẫn đến tranh chấp kiện tụng cho đến ngày hôm nay cho nên công ty chưa giải quyết được hợp đồng tín dụng giữa hai bên chứ không phải lỗi chủ quan của công ty.

Xét yêu cầu này của Công ty D là không có cơ sở chấp nhận vì ngày 24/4/2017, Công ty D có đơn yêu cầu tắt toán hợp đồng và giải chấp tài sản thế

chấp tại Ngân hàng TMCP Q chi nhánh An Phú và đã được MB ra thông báo số 298/TB-MBAMC-HCM ngày 24/4/2017 về việc giải chấp tài sản thế chấp với số tiền 42.099.950.000 (Bốn mươi hai tỷ, không trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng), thời hạn giải chấp đến ngày 20/5/2017. Tuy nhiên hết thời hạn trên phía Công ty D vẫn không thực hiện. Do đó Công ty D phải chịu tiền lãi theo Hợp đồng và các khế ước nhận nợ theo quy định.

Căn cứ Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD, ngày 24/4/2014; căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005. Hội đồng xét xử thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q, buộc Công ty D phải thanh toán số tiền gốc, lãi chậm trả còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử Phát phải trả các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD; Văn bản sửa đổi và các khế ước nhận nợ, số tiền tạm tính đến ngày 27/8/2020 72.356.829.638 đồng (Bảy mươi hai tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng); trong đó nợ gốc là: 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng); tiền lãi trong hạn là: 230.856.000 (Hai trăm ba mươi triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng); lãi quá hạn là 31.332.998.558 đồng (Ba mươi một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi tám nghìn năm trăm năm mươi tám đồng)

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu, kể từ ngày 28/8/2020 bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên chấp nhận.

Xử lý tài sản thế chấp: Nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa số 3547 Tờ bản đồ số 3, tại xã Nhật Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CT04080 do Sở Tài nguyên Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 24/01/2014. Việc rút phần yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D phải chịu tiền án phí theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 ; Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D.

Buộc Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tính đến ngày 27/8/2020 là: 72.356.829.638 đồng (Bảy mươi hai tỷ ba trăm năm mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng); Trong đó nợ gốc là: 40.792.975.080 (Bốn mươi tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi đồng); tiền lãi trong hạn là: 230.856.000 (Hai trăm ba mươi triệu. tám trăm năm mươi sáu ngàn đồng); lãi quá hạn là 31.332.998.558 đồng (Ba mươi một tỷ ba trăm ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi tám nghìn năm trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày 28/8/2020, Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 265.14.151.1867572.TD, ngày 24/4/2014 ; văn bản sửa đổi hợp đồng số 265.14.151.1867572.VBSĐ.01 ngày 05/9/2014 và Khế ước số LD1425900025 ngày 16/9/2014; Khế ước số LD1426000119 ngày 17/9/2014; Khế ước số LD1426100239 ngày 18/9/2014; Khế ước số LD1426200082 ngày 19/9/2014; Khế ước số LD1426500211 ngày 22/9/2014; Khế ước số LD1426600253 ngày 23/9/2014; Khế ước số LD1428700281 ngày 14/10/2014; Khế ước số LD 1435087543 ngày 16/12/2014; Khế ước số LD 1436378024 ngày 29/12/2014; Khế ước số LD 14365455187 ngày 29/12/2014; Khế ước số LD 1504108107 ngày 10/02/2015, cho đến khi Công ty D thanh toán xong.

Các bên tự thực hiện hoặc thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết những yêu cầu liên quan đến tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa số 3547 Tờ bản đồ số 3, tại xã Nhật Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CT04080 do Sở Tài nguyên Môi Trường tỉnh Long An cấp ngày 24/01/2014.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 180.356.830 đồng (Một trăm tám mươi triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi đồng) Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D phải chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 84.625.073 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/006203 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 08/4/2019. Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D chưa nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Q, Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Xuất nhập khẩu D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân quận 2 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 2;
- THADS Quận 2;
- TATP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Thanh Nga